

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Chế biến Thủy sản Út Xi

Ngày 31/03/2025	5,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	-

DT thuần Q1/25
71.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.40 2.0%
YoY: ▲ 13.1 22.5%

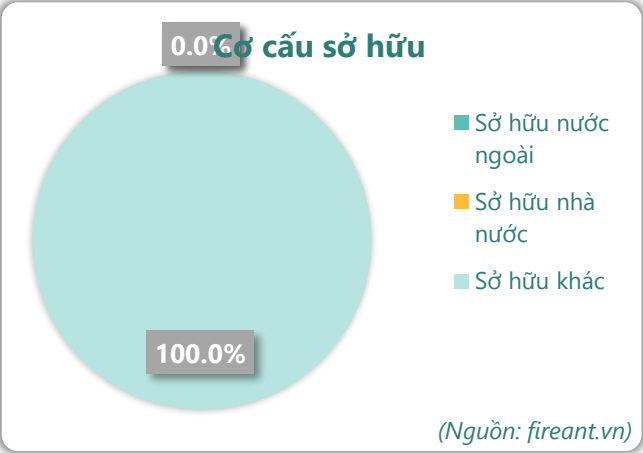
LN thuần Q1/25
-8.63
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.47 28.7%
YoY: ▼8.85 -4024%

LN sau thuế Q1/25
-8.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.1 64.1%
YoY: ▼8.67 -3768%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
-0.3%
YoY: +/- ▲ 20.3%

ROE (TTM) Q1/25
62.6%
YoY: +/- ▲ 8.6%

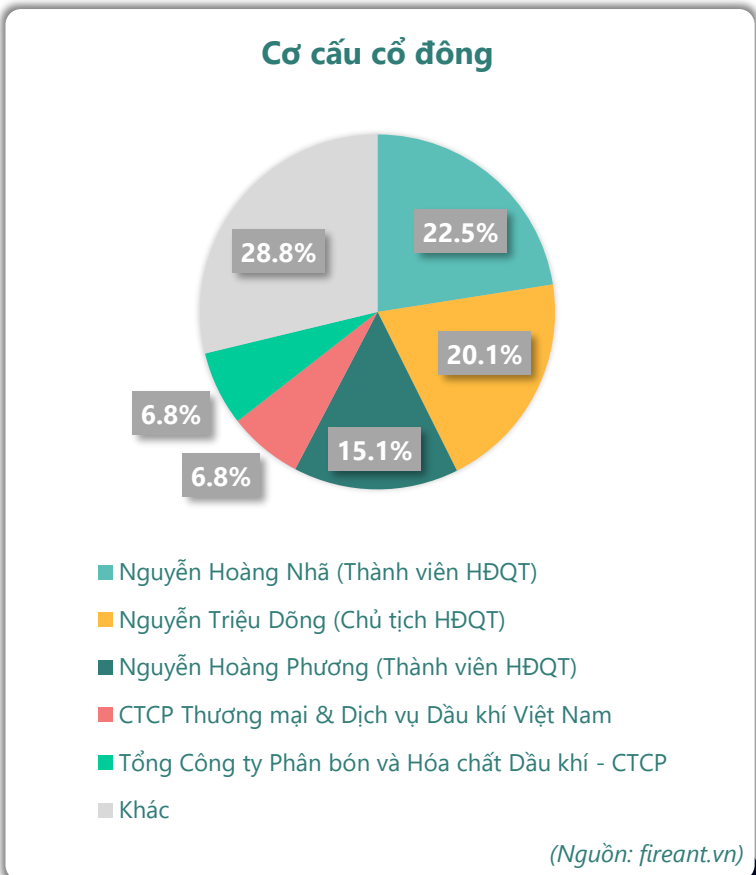
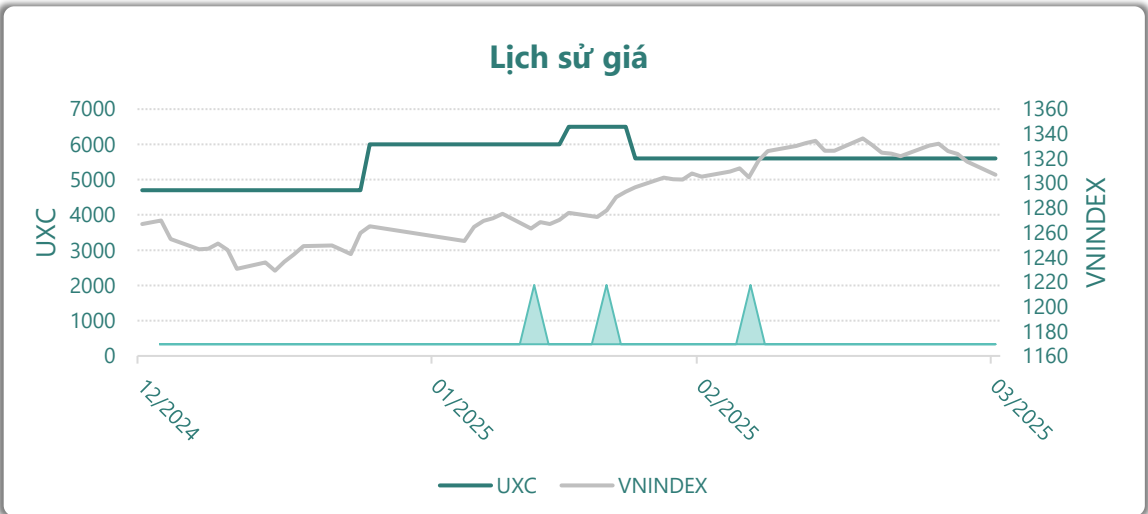
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,700 - 6,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	198
Số lượng CPLH (CP)	35,399,968
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.61
EPS	-1,307
P/E	-4.3



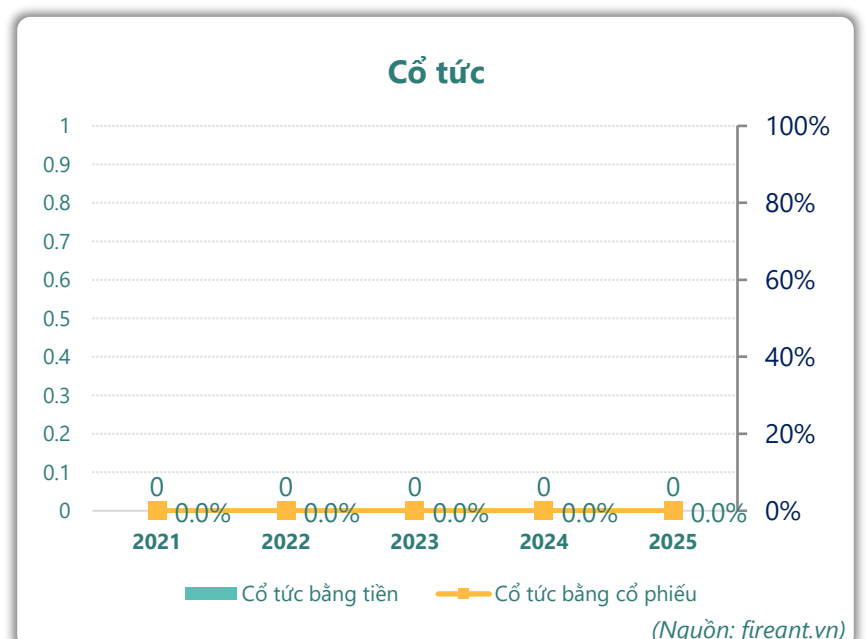
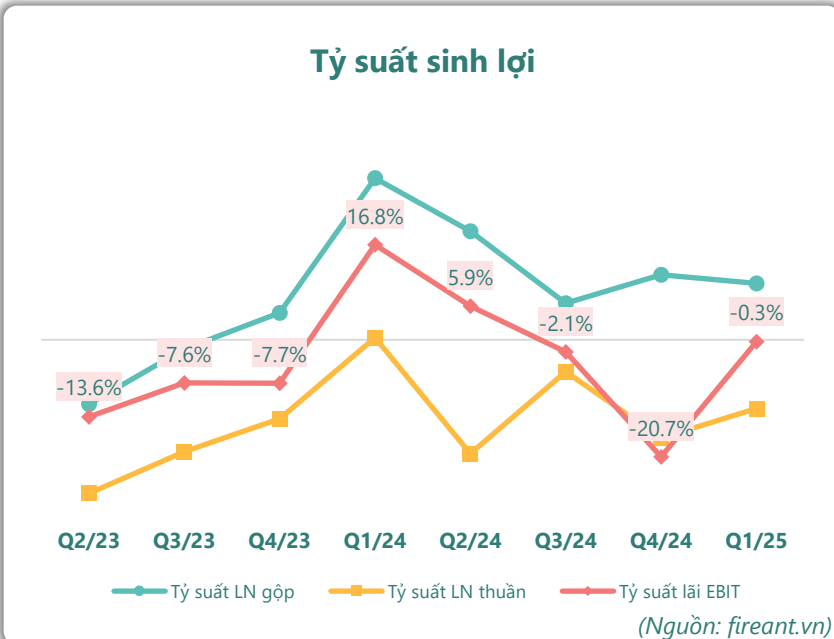
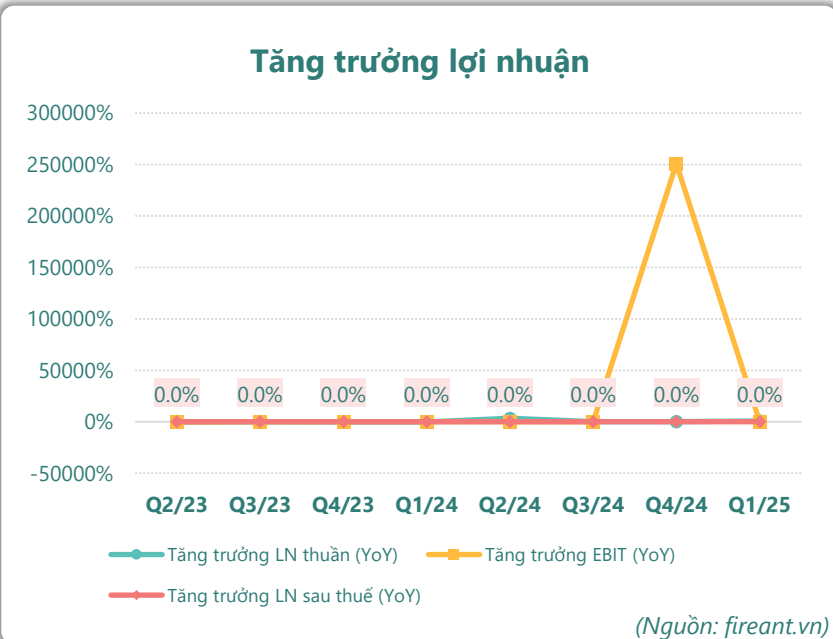
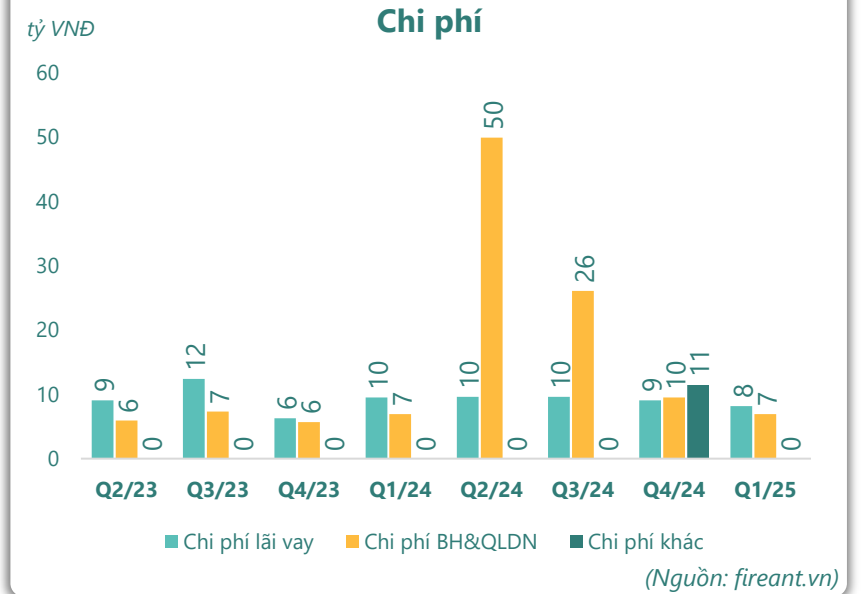
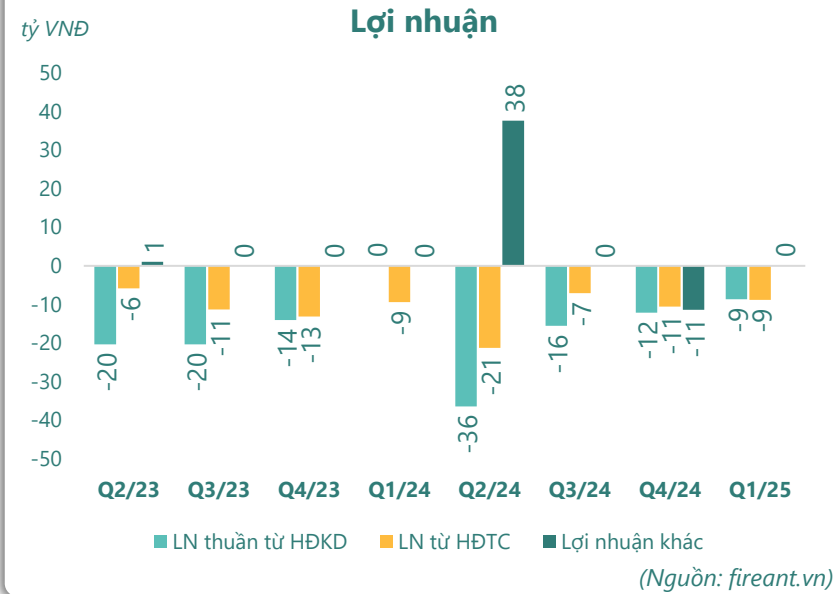
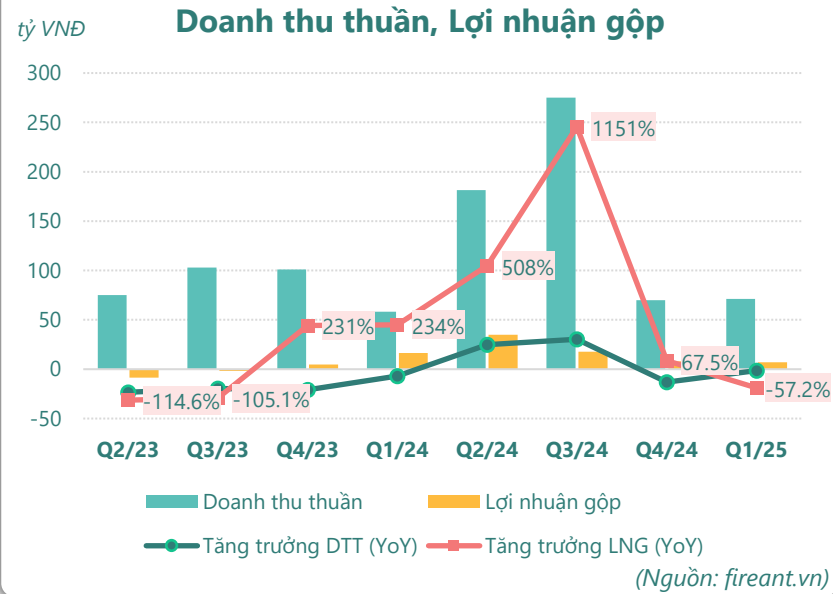
DT thuần 2024
584
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 245 72.2%

LN thuần 2024
-64.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 21.6 25.2%

LN sau thuế 2024
-37.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 46.6 55.2%



KẾT QUẢ KINH DOANH

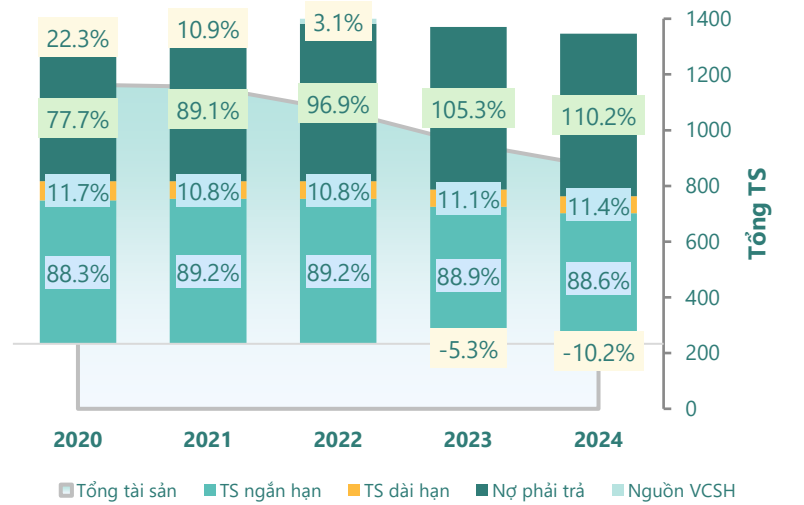


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

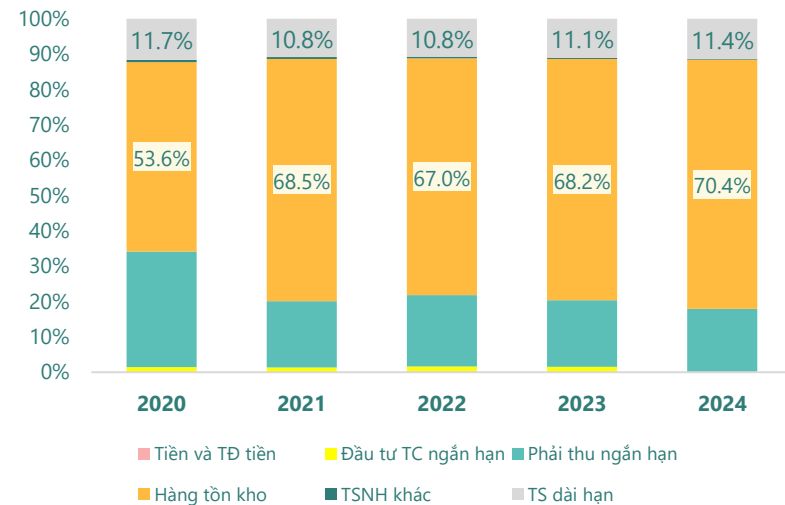
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

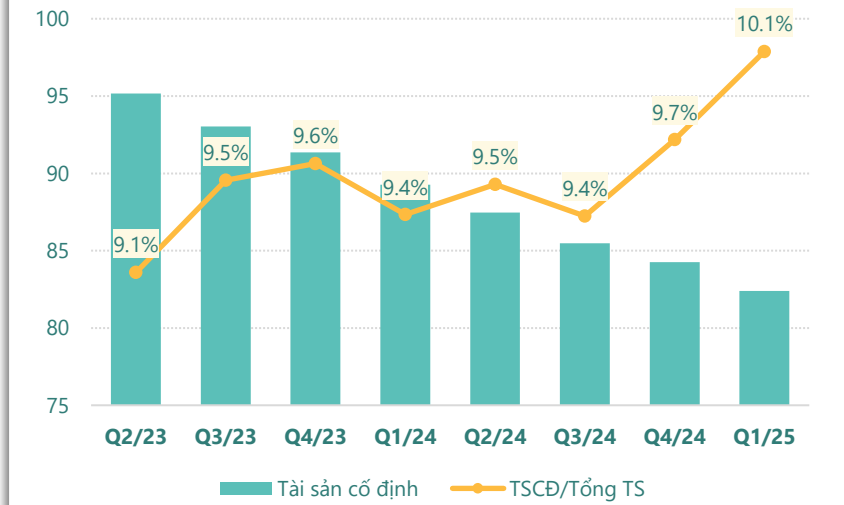
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

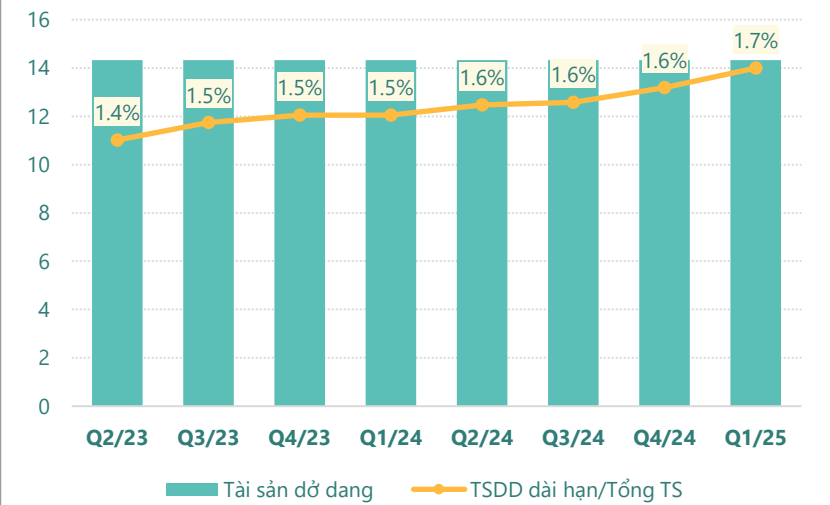
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

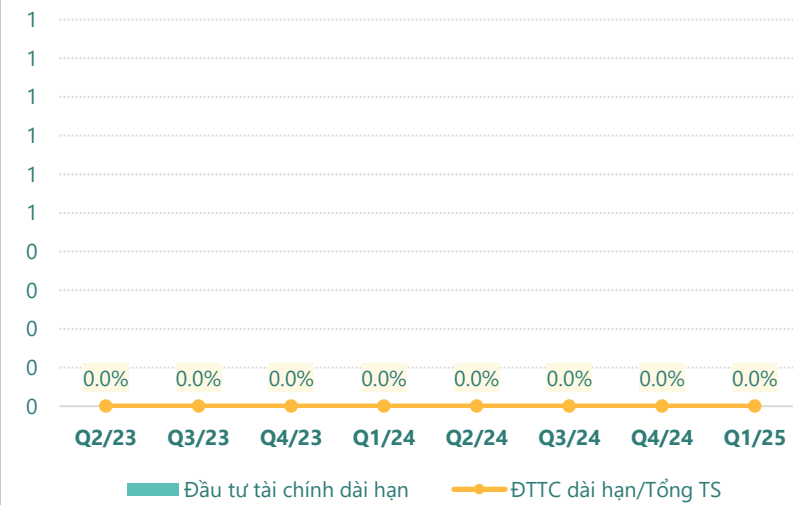
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

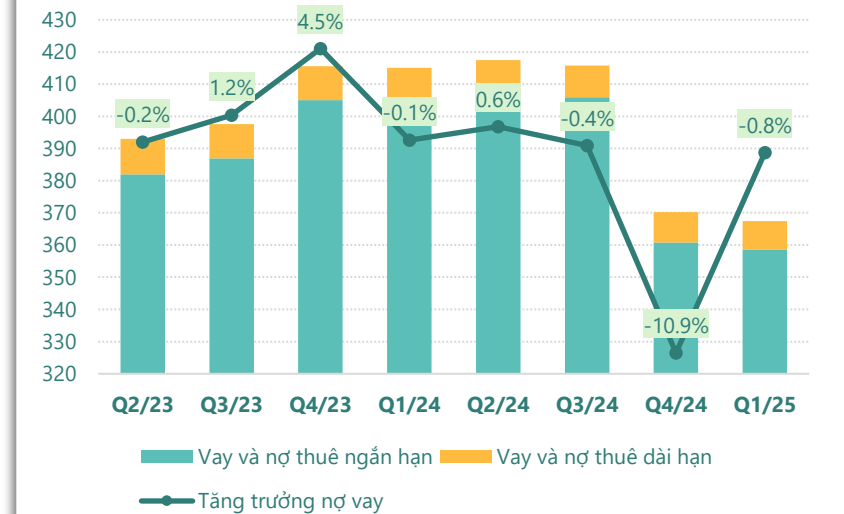
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

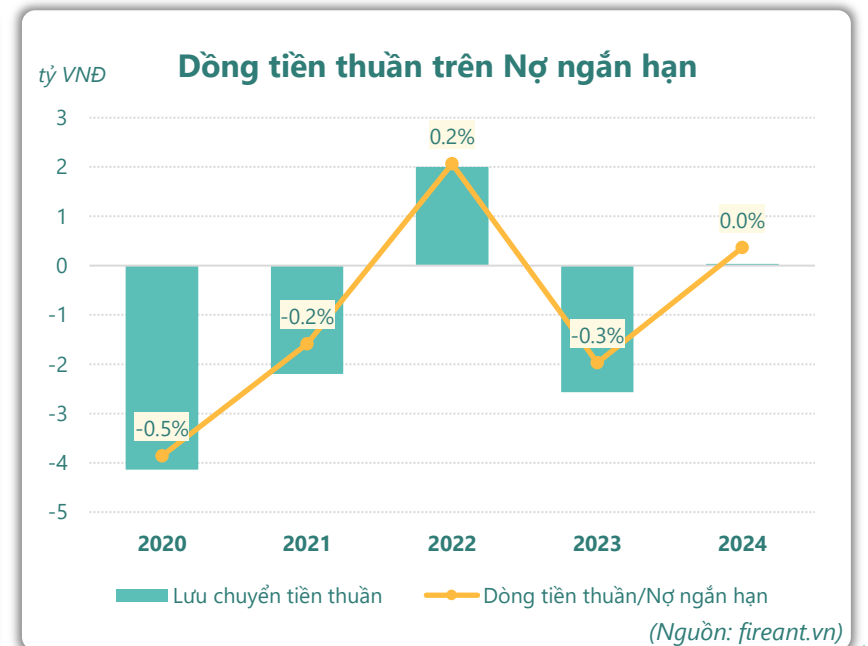
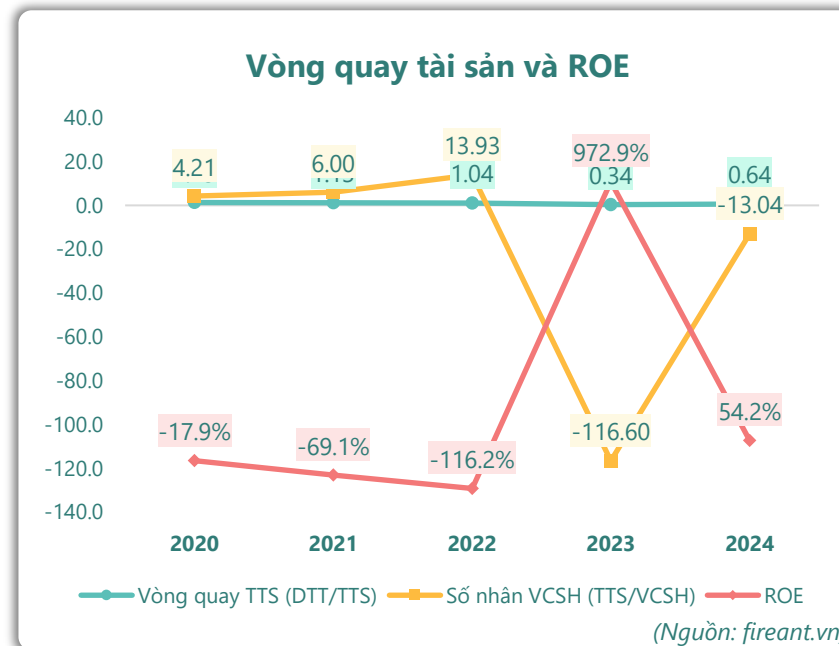
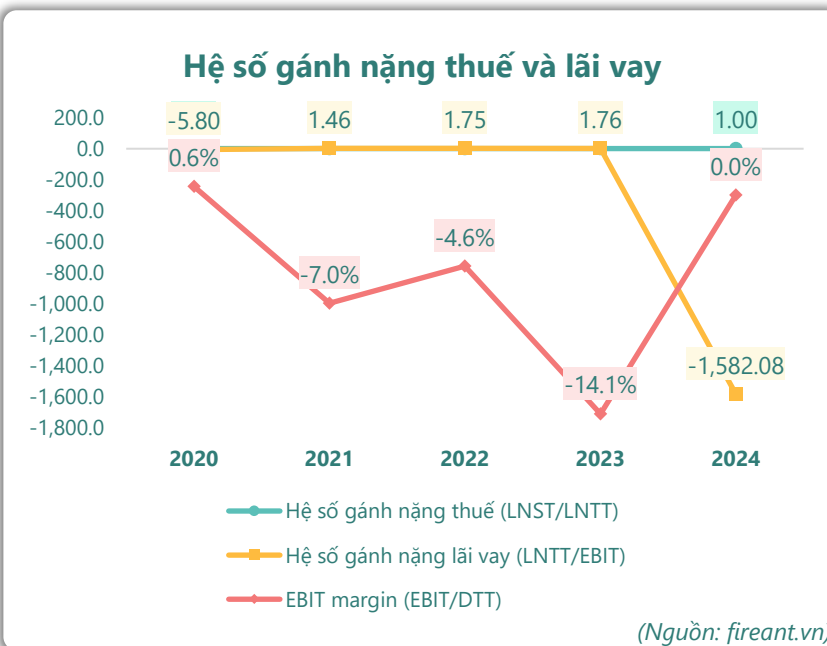
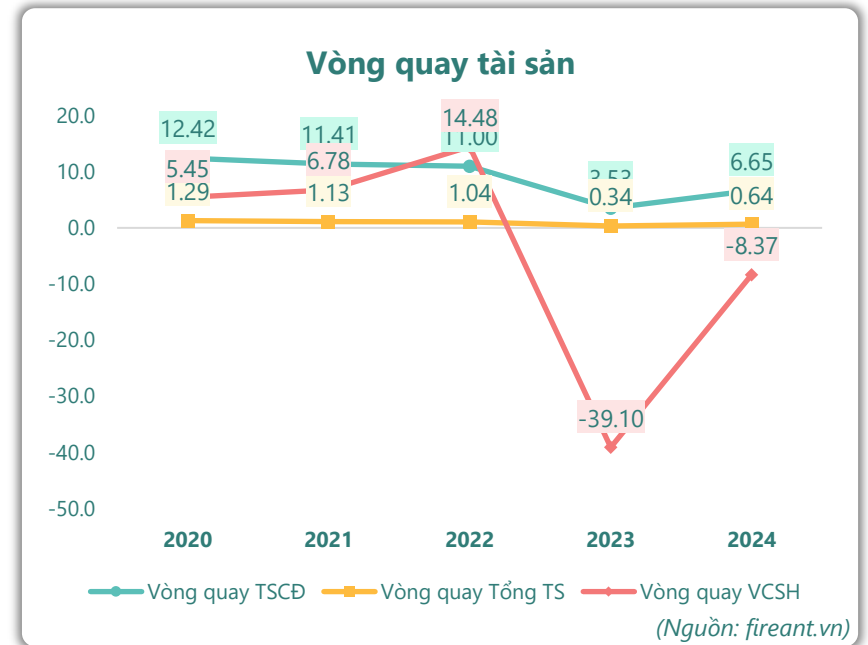
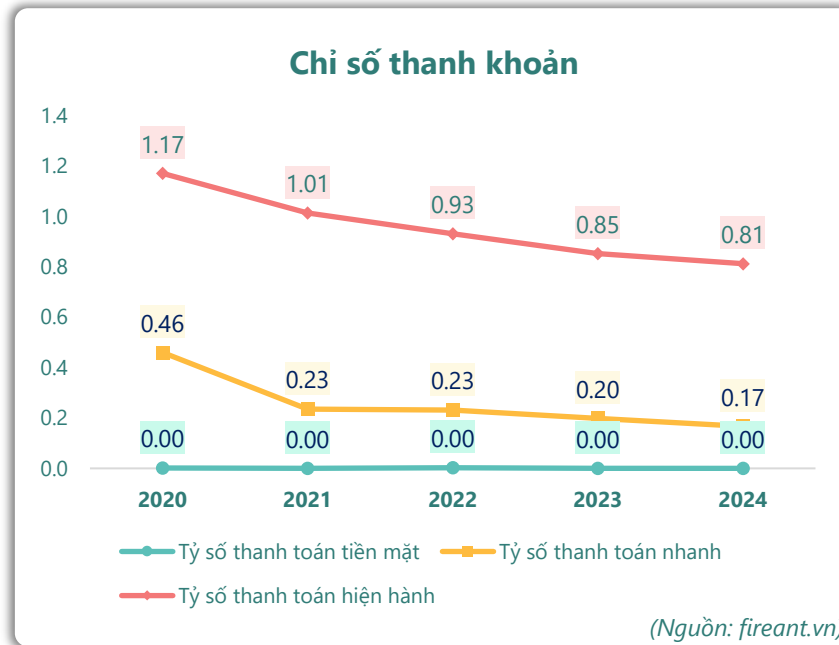
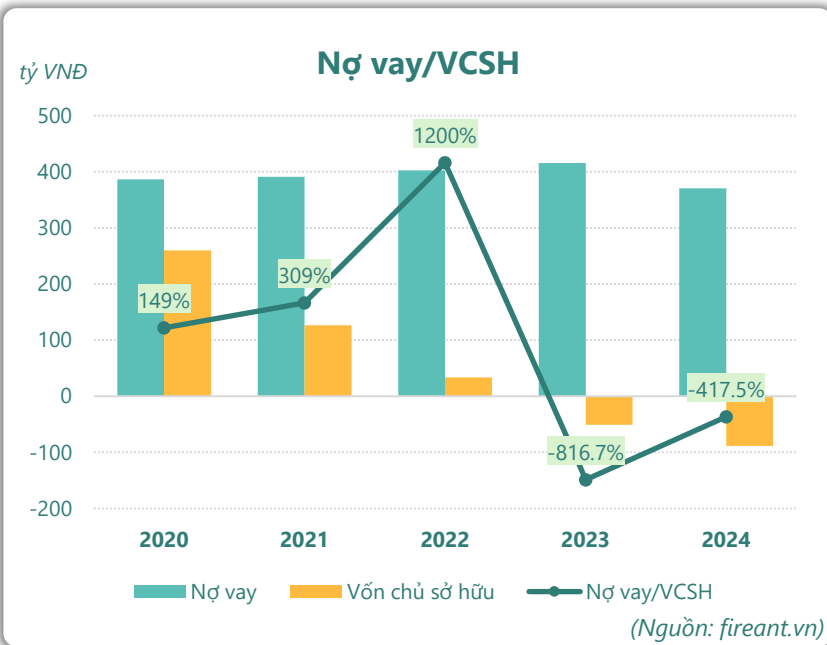
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	71.2	58.1	22.5%	584	339	72.2%
Giá vốn hàng bán	64.1	41.5	54.4%	507	357	42.1%
Lợi nhuận gộp	7.09	16.6	-57.3%	77.0	-17.8	533%
Doanh thu HĐTC	0.44	0.32	37.2%	4.24	8.45	-49.8%
Chi phí TC	9.25	9.76	-5.2%	52.6	49.5	6.4%
Chi phí lãi vay	8.19	9.51	-13.9%	37.8	36.6	3.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	5.08	5.41	-6.0%	46.3	19.0	143%
Chi phí QLDN	1.82	1.50	21.4%	46.4	7.84	491%
LN thuần từ HĐKD	-8.63	0.22	-4024%	-64.1	-85.7	25.2%
Lợi nhuận khác	0.20	0.01	1858%	26.3	1.27	1973%
LN trước thuế	-8.44	0.23	-3768%	-37.8	-84.4	55.2%
Lợi nhuận sau thuế	-8.44	0.23	-3768%	-37.8	-84.4	55.2%
LNST của CĐ cty mẹ	-8.44	0.23	-3768%	-37.8	-84.4	55.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-15.1	1.16	1.93	3.03	46.2	3.40
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.56	-0.61	0.25	-1.34	-0.39	-0.49
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	15.1	-0.50	-2.26	-1.23	-46.2	-2.82
Tiền đầu kỳ	0.56	0.10	0.16	0.09	0.56	0.06
Lưu chuyển tiền thuần	-0.61	0.06	-0.07	0.47	-0.42	0.10
Ảnh hưởng tỷ giá	0.14	0	0.00	0	-0.07	0
Tiền cuối kỳ	0.10	0.16	0.09	0.56	0.06	0.16

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	819	868	-5.7%
Tài sản ngắn hạn	722	770	-6.2%
Tiền và tương đương tiền	0.16	0.06	159%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	144	156	-7.4%
Hàng tồn kho	575	612	-5.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.86	2.08	-11.0%
Tài sản dài hạn	96.7	98.6	-1.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	82.4	84.3	-2.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.3	14.3	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.00	0.00	-75.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	916	957	-4.3%
Nợ ngắn hạn	907	948	-4.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	358	361	-0.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	68.7	84.3	-18.6%
Nợ dài hạn	9.00	9.48	-5.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	9.00	9.48	-5.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-97.1	-88.7	-9.5%
Vốn chủ sở hữu	-97.1	-88.7	-9.5%
Vốn điều lệ	354	354	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

